TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 238 /2022/ HN-ST**
**Ngày: 15-8-2022**
**"V/v Ly hôn giữa ông T và bà H"**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **TRẦN TÚ ANH**
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**
2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **Võ Tấn T**, sinh năm 1973.
Địa chỉ: tổ 2, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn:* Bà **Bùi Thị H,** sinh năm 1968.
Địa chỉ: tổ 2, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

( ông T, bà H xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Nguyên đơn ông Võ Tấn T trình bày:*** Ông và bà H cưới nhau vào tháng 9/1987 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong việc làm ăn.

Con chung: Có 03 con chung tên Võ Thị K, sinh năm 1989, Võ Tấn P, sinh năm 1996 và Võ Tấn V, sinh ngày 2001. Hiện đã thành niên và lao động được.

Tài sản chung: Không tranh chấp.

Nợ chung: Không có.

Nay ông T yêu cầu được ly hôn bà H.

***- Bị đơn bà Bùi Thị H trình bày***: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về quá trình chung sống của 02 người, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay bà đồng ý ly hôn ông T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà H. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Cả ông Võ Tấn T và bà Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông T và bà H xác lập quan hệ vợ chồng vào tháng 9/1987 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Trong quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh mâu thuẩn và ly thân từ năm 2012 đến nay, không ai còn quan T đến ai, cả 02 người đều thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do ông bà chung sống với nhau dù có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông T và bà H là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Võ Thị K, sinh năm 1989, Võ Tấn P, sinh năm 1996 và Võ Tấn V, sinh ngày 2001. Hiện đã thành niên và lao động được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[ 2.3]. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. Nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[ 3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Võ Tấn T và bà Bùi Thị H là vợ chồng**.**

2. Về con chung: Đã thành niên

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Võ Tấn T phải chịu 300.000đồng án phí DSST. Ông đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010014 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

6. Về thời hạn kháng cáo: Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**TRẦN TÚ ANH**